BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM REGISTER
Số (Nº):**25KOT/254160**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE Ô TÔ, RƠ MOÓC, SƠ MI RƠ MOÓC NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported automobile, trailer, semitrailer)

Tình trạng phương tiện *(Vehicle's status)*: **Chưa qua sử dụng**
Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY TNHH NAM HÀN**
Địa chỉ *(Address)*: **Số 39A/11, Quốc lộ 1A, Khu phố Ngãi Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
Loại phương tiện *(Vehicle's type)*: **Ô tô sát xi có buồng lái**
Xe sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường *(Clean, green energy vehicle)*: **Không**
Cho phép tự động hóa điều khiển *(Allows driving automation)*: **Không**
Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **UD TRUCKS** — Mã kiểu loại *(Model code)*: **CGE84R 08MS**
Tên thương mại *(Commercial name)*: **UD TRUCKS QUESTER CGE 350** — Màu xe *(Vehicle color)*: **Trắng**
Số khung *(Chassis Nº)*: **JPCZYM0G8ST044995** — Số động cơ *(Engine Nº)*: **GH8E695837C1P**
Nước sản xuất *(Production country)*: **THAILAND** — Năm sản xuất *(Production year)*: **2025**
Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **107081012731 / 09/04/2025**
Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **002071/25OT-039/003**
Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **12/04/2025 / Tỉnh Bình Dương**
Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **002071/25OT**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	**10090**	kg
Khối lượng toàn bộ TK lớn nhất/cho phép lớn nhất *(Max. total mass: Designed/Authorized)*:	**37400/**	kg
Số người cho phép chở, không kể người lái: Tổng(ngồi+đứng+nằm+xe lăn): *(Passenger capacity excluding driver: Total (seating+standing+lying+wheelchair))*	**01(01 ngồi)**	người
Kích thước bao : Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	**11955 x 2480 x 3170**	mm
Công thức bánh xe *(Drive configuration)*:	**8 x 4**	
Khoảng cách trục *(Wheel space)*:	**1995 + 4530 + 1370**	mm

Vết bánh xe trước *(Front track)*: **2026** — Vết bánh xe sau *(Rear track)*: **1835** mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*: **GH8E 350 EUV, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng, tăng áp**
Loại nhiên liệu *(Fuel)*: **Diesel** — Thể tích làm việc *(Displacement)*: **7698** cm^3
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/rpm)*: **258/2200** kW/rpm
Lốp xe *(Tyres)*:
- Trục 1 *(Axle 1st)*: **2 Lốp; 11.00R20** — Trục 2 *(Axle 2nd)*: **2 Lốp; 11.00R20**
- Trục 3 *(Axle 3rd)*: **4 Lốp; 11.00R20** — Trục 4 *(Axle 4th)*: **4 Lốp; 11.00R20**

Thiết bị đặc trưng *(Special equipment)*:

Xe đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo quy định của Thông tư số 54/2024/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The vehicle has been inspected and satisfied with requirements of the Circular Nº 54/2024/TT-BGTVT issued on November 15th, 2024 by Minister of Ministry of Transport.

(Date) Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Ghi chú (Remarks):

Cơ quan chứng nhận
(Certification body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 14/04/2025 15:56:14

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM — BỘ XÂY DỰNG

Đỗ Văn Kha

Ký bởi: Đỗ Văn Kha
Email: khavaq.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM, BỘ XÂY DỰNG
Thời gian: 14/04/2025 15:56:13

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v…
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc…